

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 645/2020/DS-ST

Ngày: 24/12/2020

V/v tranh chấp hợp đồng sử
dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Ký.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quân.

Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 399/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 900/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 937/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (Viết tắt: Ngân hàng).

Trụ sở: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Lầu 8, Tòa nhà ACB Tower, số 444A-446 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Đỗ Minh Toàn – Là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc).

- Bà Vũ Thị Anh Đào – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019).

- Bà Trần Ngọc Trâm Anh – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 366/UQ-QLN ngày 16/9/2019) – có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1977 – vắng mặt.

Địa chỉ: 92/5B, tổ 22, khu phố 2, đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, có bà Trần Ngọc Trâm Anh là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB WORLD MASTERCARD ngày 18/4/2013 (Viết tắt là hợp đồng), thẻ hiện bị đơn ông Lê Văn T được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức là: 200.000.000 đồng, số thẻ: 5593120000007458, ngày cấp: 31/5/2013; lãi suất: theo bảng điều khoản điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng, biểu lãi suất và phí do Ngân hàng phát hành trong từng thời kỳ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện. Do đó, ngày 27/3/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Lê Văn T thanh toán 01 lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 472.428.152 đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 226.291.082 đồng và lãi quá hạn là: 246.137.070 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết số tiền còn nợ.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Văn T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng: đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB WORLD MASTERCARD ngày 18/4/2013 và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thể hiện bị đơn ông Lê Văn T còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 226.291.082 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là: 246.137.070 đồng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Lê Văn T là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB WORLD MASTERCARD ngày 18/4/2013, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký kết giữa các bên. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Theo xác nhận của Công an phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/8/2020, thể hiện bị đơn có địa chỉ cư trú tại số: 92/5B, tổ 22, khu phố 2, đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng hiện không còn cư trú tại địa chỉ trên, không rõ đi đâu nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm vợ con tại đây. Căn cứ theo hợp đồng thể hiện bị đơn có địa chỉ như trên. Vì vậy, việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, điểm b Khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục tố tụng:

- Bà Trần Ngọc Trâm Anh tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền số 366/UQ-QLN ngày 16/9/2019 của Ngân hàng, việc ủy quyền là hợp lệ nên chấp nhận. Ngày 09/11/2020, bà Trâm Anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện bị đơn không chấp hành pháp luật, không hợp tác với Tòa án, làm cho vụ án bị kéo dài, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bị đơn đã tự mình tước bỏ quyền được xét xử bởi một phiên tòa công bằng, quyền đòi hỏi công lý tận tụy và không chậm trễ; quyền được trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; bị đơn không hề có bất kỳ một ý kiến gì về vụ án trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không thể xem xét các ý kiến, yêu cầu của bị đơn trong vụ án và đương nhiên bị đơn phải gánh chịu các hậu quả pháp lý bất lợi trong vụ án này.

Căn cứ theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

3. Về yêu cầu của đương sự:

3.1. Về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Căn cứ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB WORLD MASTERCARD ngày 18/4/2013, thể hiện bị đơn được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức là: 200.000.000 đồng, số thẻ: 5593120000007458.

Ngân hàng là pháp nhân được quyền ký kết các hợp đồng tín dụng theo giấy phép đăng ký kinh doanh. Bị đơn giao kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hợp đồng được lập thành văn bản và có chữ ký của các bên. Căn cứ theo quy định tại các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, hợp đồng nêu trên là hợp pháp, phù hợp về hình thức và nội dung, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo nội dung các thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm việc thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ nhưng không được thực hiện nên khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật đối với số tiền nợ gốc và lãi còn lại là có căn cứ.

3.2. Về số tiền nợ gốc của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Hạn mức sử dụng thẻ là: 200.000.000 đồng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là

224.528.816 đồng và đã thanh toán được 246.910.588 đồng, nhưng sau đó không thanh toán tiếp số tiền dư Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản yêu cầu. Điều này phù hợp với bảng kê chi tiết giao dịch của khách hàng, bảng tóm tắt sao kê.

Tại Điều 10 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định:

“10.1. Ngay sau khi đến hạn thanh toán mà chủ thẻ không thanh toán toàn bộ số tiền thanh toán tối thiểu thì ACB sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định của ACB. Đối với các khoản tiền thuộc giao dịch thẻ chưa được ghi nợ vào tài khoản thẻ vào thời điểm chuyển nợ quá hạn sẽ được chuyển nợ quá hạn, áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định vào thời điểm các khoản tiền này được ghi nợ vào tài khoản thẻ.

10.2. Sau khi chuyển nợ quá hạn, ACB có quyền chấm dứt việc sử dụng thẻ của chủ thẻ và thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật và quy định của ACB để thu hồi nợ (bao gồm số dư nợ, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và các khoản phải trả khác”.

Ngày 27/3/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại là 226.291.082 đồng sang nợ quá hạn.

Xét yêu cầu trả nợ gốc trên của Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Về số tiền lãi quá hạn: Ngân hàng chỉ yêu cầu tính lãi quá hạn đối với số tiền 221.163.743 đồng, còn 5.127.339 đồng không yêu cầu tính lãi quá hạn.

Xét, lãi suất theo thỏa thuận giữa các bên được tính trên số dư nợ theo lãi suất cho vay thẻ do ACB ban hành tại từng thời điểm và lãi suất nợ quá hạn tính bằng 150% của lãi suất thỏa thuận. Theo Văn bản số 374/NVCV-TTT.17 ngày 09/6/2017 của Ngân hàng thể hiện lãi suất đối với thẻ World MasterCard được điều chỉnh từ 23,9%/năm lên 27%/năm. Lãi suất quá hạn tính từ ngày 27/3/2018 là $27\%/năm \times 150\% = 40,5\%/năm$. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Xét thấy việc thỏa thuận lãi giữa Ngân hàng và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi bị đơn phải thanh toán là: 246.137.070 đồng, nên yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi quá hạn của Ngân hàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

4. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Luật phí, lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

1.1. Buộc ông Lê Văn T phải thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu số tiền gốc và lãi còn nợ, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ACB WORLD MASTERCARD ngày 18/4/2013, tổng cộng là: 472.428.152 (bốn trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn một trăm năm mươi hai) đồng; Trong đó, số tiền nợ gốc là: 226.291.082 (hai trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi một nghìn không trăm tám mươi hai) đồng và lãi quá hạn là: 246.137.070 (hai trăm bốn mươi sáu triệu một trăm ba mươi bảy nghìn không trăm bảy mươi) đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là: 22.897.126 (hai mươi hai triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn một trăm hai mươi sáu) đồng, ông Lê Văn T chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là: 10.447.327 (mười triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi bảy) đồng, theo biên lai thu tiền án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0104789 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Minh Ký